

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014  
đã được soát xét*

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	<b>5 – 30</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Solavina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Solavina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006737 ngày 21 tháng 02 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xây lắp công trình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 30).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Hoài Hưng	Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Sơn	Ủy viên
Ông Lại Thế Vĩnh	Ủy viên
Ông Trần Văn Khánh	Ủy viên

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Hoài Hưng	Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trần Quốc Hiền	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc** (tiếp theo)

---

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2014*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Lê Hoài Hưng**

Số : 302/2014/BCSX-AASCN

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Solavina được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2014*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**  
**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Vương**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Bùi Ngọc Hà**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.564.004.033</b>	<b>20.096.527.298</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>118.701.105</b>	<b>116.772.113</b>
1.	Tiền	111	V.01	118.701.105	116.772.113
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		400.000.000	400.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.516.666.236</b>	<b>6.742.472.901</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		2.215.050.698	2.830.594.657
2.	Trả trước cho người bán	132		664.390.963	1.850.142.085
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.637.224.575	2.061.736.159
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.934.857.651</b>	<b>8.396.011.730</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	10.934.857.651	8.396.011.730
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.593.779.041</b>	<b>4.441.270.554</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.402.796	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.887.169	28.725.884
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	117.206.105	117.206.105
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	3.378.282.971	4.295.338.565

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.359.907.987</b>	<b>23.543.794.398</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.854.884.054</b>	<b>11.136.642.999</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.877.106.276	10.064.420.777
	- Nguyên giá	222		10.583.137.636	10.583.137.636
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(706.031.360)	(518.716.859)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	977.777.778	1.072.222.222
	- Nguyên giá	225		1.100.000.000	1.100.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(122.222.222)	(27.777.778)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.259.300.000</b>	<b>12.259.300.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	12.259.300.000	12.259.300.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>245.723.933</b>	<b>147.851.399</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	155.723.933	57.851.399
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.11	90.000.000	90.000.000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.923.912.020</b>	<b>43.640.321.696</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.632.974.509</b>	<b>13.215.093.460</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.084.807.845</b>	<b>12.666.926.796</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	5.040.791.669	4.663.795.535
2.	Phải trả người bán	312		3.372.928.699	2.996.083.840
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.616.858.861	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	709.821.484	709.696.742
5.	Phải trả người lao động	315		551.269.630	264.510.180
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	22.600.041	12.662.650
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	1.747.561.885	3.997.202.273
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.975.576	22.975.576
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>548.166.664</b>	<b>548.166.664</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	548.166.664	548.166.664
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.290.937.511</b>	<b>30.425.228.236</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>30.290.937.511</b>	<b>30.425.228.236</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		54.959.292	54.959.292
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		32.975.576	32.975.576
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		83.562.028	83.562.028
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		119.440.615	253.731.340
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>44.923.912.020</b>	<b>43.640.321.696</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Lan Hương****Nguyễn Thị Huyền Trang****Lê Hoài Hưng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>10.203.166.447</b>	<b>2.633.592.069</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>10.203.166.447</b>	<b>2.633.592.069</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	9.593.905.542	2.529.639.084
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>609.260.905</b>	<b>103.952.985</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	27.059.782	55.978.900
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	236.852.926	198.954.069
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		236.852.926	198.954.069
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		533.857.897	481.050.090
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(134.390.136)</b>	<b>(520.072.274)</b>
11.	Thu nhập khác	31		100.001	696
12.	Chi phí khác	32		590	118.369.429
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>99.411</b>	<b>(118.368.733)</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(134.290.725)</b>	<b>(638.441.007)</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(134.290.725)</b>	<b>(638.441.007)</b>
<b>18.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.05</b>	<b>(45)</b>	<b>(213)</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Huyền Trang

Lê Hoài Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(134.290.725)	(638.441.007)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		281.758.945	167.619.652
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.059.782)	(55.978.900)
-	Chi phí lãi vay	06		236.852.926	198.954.069
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		357.261.364	(327.846.186)
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.118.430.975	850.192.290
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(2.538.845.921)	(333.408.223)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.020.880.857	(1.961.607.958)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(136.275.330)	43.116.012
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(216.848.868)	(198.954.069)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	300.000.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(395.396.923)	(1.628.508.134)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(12.362.727)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(258.508.562)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	243.852.722
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.000.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.000.000.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.329.781	55.978.900
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		20.329.781	28.960.333

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.977.000.000	4.583.506.871
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.534.462.199)	(2.798.184.918)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(65.541.667)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>376.996.134</b>	<b>1.785.321.953</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.928.992</b>	<b>185.774.152</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>116.772.113</b>	<b>350.159.021</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>118.701.105</b>	<b>535.933.173</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Huyền Trang

Lê Hoài Hưng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xây lắp công trình.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	108.836.009	3.110.890
- Tiền gửi ngân hàng	9.865.096	113.661.223
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>118.701.105</b>	<b>116.772.113</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
+ Công ty CP Tư vấn và ĐT XD Năng Lượng (*)	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>

(\*) Là khoản cho Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Năng Lượng vay với lãi suất 13,3%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	3.637.224.575	2.061.736.159
+ Ông Lê Đức Thắng	755.500.000	755.500.000
+ Bà Nguyễn Thị Quyên (Cho vay không tính lãi)	1.588.982.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và PT Năng Lượng Việt Nam	1.171.520.000	1.171.520.000
+ Công ty CP Tư vấn và ĐT XD Năng Lượng (lãi dự thu)	26.686.668	13.343.334
+ Công ty TNHH Xây dựng Kỹ thuật Linh Phát (lãi dự thu)	-	6.613.333
+ Khác	94.535.907	114.759.492
<b>Cộng</b>	<b><u>3.637.224.575</u></b>	<b><u>2.061.736.159</u></b>

**04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	8.958.958	154.159.458
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.829.476.207	7.210.102.706
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	1.096.422.486	1.031.749.566
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>10.934.857.651</u></b>	<b><u>8.396.011.730</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	117.206.105	117.206.105
<b>Cộng</b>	<b><u>117.206.105</u></b>	<b><u>117.206.105</u></b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	3.366.382.971	4.283.438.565
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.900.000	11.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.378.282.971</u></b>	<b><u>4.295.338.565</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.038.181.817</i>	<i>544.955.819</i>	<i>10.583.137.636</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.038.181.817</i>	<i>544.955.819</i>	<i>10.583.137.636</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>67.272.724</i>	<i>451.444.135</i>	<i>518.716.859</i>
- Khấu hao trong kỳ	141.818.182	45.496.319	187.314.501
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>209.090.906</i>	<i>496.940.454</i>	<i>706.031.360</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>9.970.909.093</i>	<i>93.511.684</i>	<i>10.064.420.777</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>9.829.090.911</i>	<i>48.015.365</i>	<i>9.877.106.276</i>

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 544.955.819 đồng và 48.015.366 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

**08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.100.000.000</i>	-	<i>1.100.000.000</i>
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.100.000.000</i>	-	<i>1.100.000.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>27.777.778</i>	-	<i>27.777.778</i>
- Khấu hao trong kỳ	94.444.444	-	94.444.444
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>122.222.222</i>	-	<i>122.222.222</i>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.072.222.222</i>	-	<i>1.072.222.222</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>977.777.778</i>	-	<i>977.777.778</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư vào đơn vị khác	12.259.300.000	12.259.300.000
+ Công ty CP Xây lắp và Vật liệu XD Thiên An (*)	12.259.300.000	12.259.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.259.300.000</u></b>	<b><u>12.259.300.000</u></b>

(\*) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2011/HĐHTĐT-SOLA ngày 21 tháng 10 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng ngày 26 tháng 02 năm 2013 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Thiên An để triển khai Dự án khai thác mỏ đá Khe Dầu thuộc xóm 15 xã Vương Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	121.936.137	57.851.399
- Chi phí sửa chữa	33.787.796	-
<b>Cộng</b>	<b><u>155.723.933</u></b>	<b><u>57.851.399</u></b>

**11. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	90.000.000	90.000.000
- Tài sản dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>90.000.000</u></b>	<b><u>90.000.000</u></b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>4.868.000.000</b>	<b>4.425.462.199</b>
- <b>Vay ngân hàng</b>	<b>4.468.000.000</b>	<b>4.425.462.199</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.468.000.000	4.425.462.199
- Chi nhánh Đông Hà Nội (*)	-	-
- <b>Vay đối tượng khác</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam	200.000.000	-
+ Công ty CP Vinam	200.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>172.791.669</b>	<b>238.333.336</b>
- <b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>172.791.669</b>	<b>238.333.336</b>
+ Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	172.791.669	238.333.336
<b>Cộng</b>	<b><u>5.040.791.669</u></b>	<b><u>4.663.795.535</u></b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13.5065241.01.02 ký ngày 30 tháng 9 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động, theo đó lãi suất và thời hạn vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay này được thế chấp bằng: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo GCN bìa số BC 047152 do UBND huyện Thanh Xuân cấp ngày 06 tháng 7 năm 2010 mang tên Ông Lê Hoài Hưng và Bà Nguyễn Thị Quyên, Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo GCN số 012101052400629 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 27 tháng 4 năm 2009 mang tên Ông Phan Quốc Vinh và 01 xe ô tô con nhãn hiệu FORD EVEREST biển kiểm soát số: 30N-7184 thuộc sở hữu của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	703.132.859	703.132.859
- Thuế thu nhập cá nhân	6.688.625	6.563.883
<b>Cộng</b>	<b><u>709.821.484</u></b>	<b><u>709.696.742</u></b>

**14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	22.600.041	12.662.650
<b>Cộng</b>	<b><u>22.600.041</u></b>	<b><u>12.662.650</u></b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	28.003.953	24.055.831
- Bảo hiểm xã hội	153.543.559	110.184.907
- Bảo hiểm y tế	28.473.636	20.886.042
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.554.340	9.182.076
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.424.986.397	3.732.893.417
+ Bà Nguyễn Thị Lan Hương	960.000.006	654.907.608
+ Bà Nguyễn Thị Quyên	29.542.058	244.943.474
+ Ông Lê Hoài Hưng	128.993.158	77.842.158
+ Bà Bùi Thị Thủy	170.000.380	2.627.110.380
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam (lãi dự trả)	10.066.667	-
+ Các đối tượng khác	126.384.128	128.089.797
<b>Cộng</b>	<b><u>1.747.561.885</u></b>	<b><u>3.997.202.273</u></b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn</b>	-	-
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>548.166.664</b>	<b>548.166.664</b>
- Nợ thuê tài chính	548.166.664	548.166.664
+ Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	548.166.664	548.166.664
<b>Cộng</b>	<b><u>548.166.664</u></b>	<b><u>548.166.664</u></b>

(\*) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số: 100.13.05/CTTC ký kết ngày 11 tháng 11 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Solavia và Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, với tổng giá trị tài sản thuê tài chính (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng 10%) là 1.210.000.000 đồng, lãi suất 12,6%/năm, biên độ thay đổi lãi suất là 3,6%/năm. Tiền gốc và lãi thuê tài chính được thanh toán 3 tháng một lần, căn cứ theo lịch thanh toán kèm giấy nhận nợ được ký giữa hai bên và thông báo thanh toán tiền thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>54.959.292</b>	<b>32.975.576</b>	<b>83.562.028</b>	<b>1.627.257.276</b>	<b>31.798.754.172</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(1.373.525.936)	(1.373.525.936)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>54.959.292</b>	<b>32.975.576</b>	<b>83.562.028</b>	<b>253.731.340</b>	<b>30.425.228.236</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(134.290.725)	(134.290.725)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>54.959.292</b>	<b>32.975.576</b>	<b>83.562.028</b>	<b>119.440.615</b>	<b>30.290.937.511</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	7.909.145.720	2.618.592.069
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	210.000.000	15.000.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.084.020.727	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.203.166.447</u></b>	<b><u>2.633.592.069</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.878.377.080	2.517.639.084
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	81.818.182	12.000.000
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.633.710.280	-
<b>Cộng</b>	<b>9.593.905.542</b>	<b>2.529.639.084</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.059.782	55.978.900
<b>Cộng</b>	<b>27.059.782</b>	<b>55.978.900</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Lãi tiền vay	236.852.926	198.954.069
<b>Cộng</b>	<b>236.852.926</b>	<b>198.954.069</b>

**05. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(134.290.725)	(638.441.007)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(134.290.725)	(638.441.007)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(45)</b>	<b>(213)</b>

**06. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	570.448.040	-
- Chi phí nhân công	2.467.921.763	240.109.827
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.758.945	52.619.652
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.446.221.949	147.671.202
- Chi phí khác bằng tiền	102.409.163	5.906.961
<b>Cộng</b>	<b>4.868.759.860</b>	<b>446.307.642</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

**01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**Từ 01/01/2014  
đến 30/6/2014**

**Hội đồng quản trị**

Ông Lê Hoài Hưng

Vay tiền không tính lãi

76.151.000

**Các cá nhân có liên quan**

Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng

Cho vay tiền không tính lãi

2.168.982.000

Vay tiền không tính lãi

29.700.584

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Lê Hoài Hưng		
+ Phải trả phải nộp khác	128.993.158	77.842.158
<b>Các cá nhân có liên quan</b>		
Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng		
+ Phải trả phải nộp khác	29.542.058	244.943.474
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>158.535.216</u></b>	<b><u>322.785.632</u></b>
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các cá nhân có liên quan</b>		
Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng		
+ Phải thu khác	1.588.982.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>1.588.982.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
Tiền lương	123.601.735	85.847.735
Tiền thưởng	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>126.601.735</u></b>	<b><u>85.847.735</u></b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Vinam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng  
lượng Việt Nam

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông góp vốn



**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
<b><i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam</i></b>		
Vay tiền	200.000.000	-
Lãi vay phải trả	10.066.667	-
Cho vay	-	200.000.000
Lãi cho vay phải thu	-	12.083.333

<b><i>Công ty CP Vinam</i></b>		
Vay tiền	200.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Vinam</i></b>		
Phải thu khách hàng	249.999.751	249.999.751

<b><i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam</i></b>		
Phải thu khác	1.171.520.000	1.171.520.000

<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.421.519.751</b>	<b>1.421.519.751</b>
-------------------------	----------------------	----------------------

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Vinam</i></b>		
Vay ngắn hạn	200.000.000	-

<b><i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam</i></b>		
Vay ngắn hạn	200.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	10.066.667	-

<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>410.066.667</b>	<b>-</b>
-------------------------	--------------------	----------

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán thép;
- Lĩnh vực xây dựng: xây lắp các công trình;
- Lĩnh vực dịch vụ: cho thuê máy xây dựng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	<u>Thương mại</u>	<u>Xây dựng</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.909.145.720	2.084.020.727	210.000.000	10.203.166.447
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	8.454.829.937	1.785.602.753	97.123.893	10.337.556.583
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(545.684.217)	298.417.974	112.876.107	(134.390.136)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	61.633.018	161.440.495	1.636.452	224.709.965
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	60.289.004	313.845.156	1.600.766	375.734.926
<b>Số dư tại ngày 30/6/2014</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	27.358.506.776	16.749.405.354	697.298.785	44.805.210.915
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	118.701.105
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>27.358.506.776</u></b>	<b><u>16.749.405.354</u></b>	<b><u>697.298.785</u></b>	<b><u>44.923.912.020</u></b>
- Nợ phải trả bộ phận	11.325.171.566	2.984.126.620	300.700.747	14.609.998.933
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	22.975.576
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>11.325.171.566</u></b>	<b><u>2.984.126.620</u></b>	<b><u>300.700.747</u></b>	<b><u>14.632.974.509</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Thương mại</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.618.592.069	-	15.000.000	2.633.592.069
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	3.138.110.118	-	15.554.225	3.153.664.343
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(519.518.049)	-	(554.225)	(520.072.274)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	42.246.817	-	-	42.246.817
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	80.993.044	-	115.000.000	195.993.044
<b>Số dư tại ngày 30/6/2013</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	24.430.760.138	-	14.639.281.791	39.070.041.929
- Tài sản không phân bổ				535.933.173
<b>Tổng tài sản</b>	<b>24.430.760.138</b>	<b>-</b>	<b>14.639.281.791</b>	<b>39.605.975.102</b>
- Nợ phải trả bộ phận	8.412.686.361	-	-	8.412.686.361
- Nợ phải trả không phân bổ				32.975.576
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.412.686.361</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.445.661.937</b>

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.701.105	-	116.772.113	-	118.701.105	116.772.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.852.275.273	-	4.892.330.816	-	5.852.275.273	4.892.330.816
Đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	12.259.300.000	-	12.259.300.000	-	12.259.300.000	12.259.300.000
<b>Cộng</b>	<b>18.630.276.378</b>	<b>-</b>	<b>17.668.402.929</b>	<b>-</b>	<b>18.630.276.378</b>	<b>17.668.402.929</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	3.372.928.699	2.996.083.840	3.372.928.699	2.996.083.840
Vay và nợ	5.588.958.333	5.211.962.199	5.588.958.333	5.211.962.199
Chi phí phải trả	22.600.041	12.662.650	22.600.041	12.662.650
Các khoản phải trả khác	1.424.986.397	3.732.893.417	1.424.986.397	3.732.893.417
<b>Cộng</b>	<b>10.409.473.470</b>	<b>11.953.602.106</b>	<b>10.409.473.470</b>	<b>11.953.602.106</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 04. Tài sản đảm bảo

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
<b>Số cuối kỳ</b>		
Xe ô tô con, nhãn hiệu Ford Everesst, biển số: 30N-7184	48.015.366	Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13.5065241.01.02 ký ngày 30 tháng 9 năm 2013 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Hà Nội.
<b>Cộng</b>	<b>48.015.366</b>	

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty đánh giá các khoản cho vay đều trong hạn.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	3.372.928.699	-	-	3.372.928.699
Vay và nợ	5.040.791.669	548.166.664	-	5.588.958.333
Chi phí phải trả	22.600.041	-	-	22.600.041
Các khoản phải trả khác	1.424.986.397	-	-	1.424.986.397
<b>Cộng</b>	<b>9.861.306.806</b>	<b>548.166.664</b>	<b>-</b>	<b>10.409.473.470</b>
<b>Số đầu năm</b>				-
Phải trả cho người bán	2.996.083.840	-	-	2.996.083.840
Vay và nợ	4.663.795.535	548.166.664	-	5.211.962.199
Chi phí phải trả	12.662.650	-	-	12.662.650
Các khoản phải trả khác	3.732.893.417	-	-	3.732.893.417
<b>Cộng</b>	<b>11.405.435.442</b>	<b>548.166.664</b>	<b>-</b>	<b>11.953.602.106</b>

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Số 9, ngõ 91, Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

**Lê Hoài Hưng**